

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH T**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/DS-ST
Ngày: 20-3-2025
V/v Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hoài Duy;
2. Ông Trần Tấn Phát.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Trung, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 442/2024/TLST-DS ngày 10/10/2024 về việc **“Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản”** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị A, sinh năm 1963; địa chỉ: khu phố A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Kim Cẩm T, sinh năm 1988; Địa chỉ: khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Bị đơn: Ông Phan Đỗ Trọng N, sinh năm 1982; địa chỉ: số nhà F, hẻm A, tổ F, khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2024, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Đỗ Thị A và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Kim Cẩm T trình bày:

Bà A và ông N có quen biết với nhau nên qua sự giới thiệu đó bà A tin tưởng nên đã cho ông N mượn số tiền 500.000.000 đồng. Cụ thể:

- Ngày 29/7/2022, bà A cho ông N mượn 500.000.000 đồng. Khi mượn, ông N ghi giấy mượn tiền và ký tên cho bà A hứa đến 18/8/2022 sẽ trả tiền lại cho bà A. Mục đích vay là đáo hạn ngân hàng.

Đến ngày 18/8/2022 bà A liên tục nhắc nhở thì ông N đóng lãi cho bà A tháng đầu tiên vào ngày 26/8/2022 được số tiền 8.000.000 đồng và từ đó đến nay không trả nữa

Sau đó bà A nhiều lần yêu cầu nhưng ông N vẫn không trả lại cho bà A, tiếp tục hứa hẹn nhiều lần, cũng như cố tình trì hoãn việc trả tiền.

Nay bà A khởi kiện yêu cầu ông Phan Đỗ Trọng N hoàn trả lại cho bà A số tiền 500.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm triệu đồng Việt Nam) và lãi suất 20%/năm từ ngày 27/8/2022 đến khi kết thúc vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Đỗ Trọng N đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh phát biểu quan điểm về vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của đương sự.

- Về nội dung: Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị A đối với ông Phan Đỗ Trọng N về việc “Tranh chấp dân sự về Hợp đồng vay tài sản”: Buộc ông Phan Đỗ Trọng N có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị A số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và tiền lãi theo yêu cầu của bà A là tính lãi từ ngày 27/8/2022 cho đến ngày xét xử (20/3/2025) với mức lãi suất 20%/ năm.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bà A yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” với ông Phan Đỗ Trọng N có địa chỉ cư trú tại thành phố T, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Bà A, ông N vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để đảm bảo cho việc xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà A khởi kiện yêu cầu ông N có nghĩa vụ trả cho bà A số tiền nợ gốc là 500.000.000 và yêu cầu tính lãi từ ngày 27/8/2022 cho đến ngày xét xử (20/3/2025) với mức lãi suất 20%/ năm. Bà A cung cấp bản chính giấy mượn tiền đề ngày 29/7/2022, có ký tên, ghi họ tên “Phan Đỗ Trọng N” tại mục “Người vay”; ký tên, ghi họ tên “Đỗ Thị A” tại mục “Người cho vay” (Bút lục số 34).

Quá trình giải quyết vụ án, ông N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ kèm theo, yêu cầu phản tố (nếu có). Do đó, ông N phải chịu hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều h Khoản 2 Điều 196 và Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

Như vậy, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định ông N có mượn bà A số tiền 500.000.000 đồng, trong hợp đồng không thể hiện lãi suất nhưng có thể hiện ghi nhận ngày trả lãi và có thỏa thuận thời hạn trả hết số nợ trên vào ngày 18/8/2022 nên xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, do ông N vi phạm thỏa thuận nên bà A khởi kiện yêu cầu ông N có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Về tiền lãi: Bà A yêu cầu ông N trả số tiền tính từ ngày 27/8/2022 cho đến ngày xét xử (20/3/2025) là 02 năm 06 tháng 20 ngày với mức lãi suất 20%/ năm, số tiền lãi được tính là: $(500.000.000 \text{ đồng} \times 20\% / \text{năm}) \times 02 \text{ năm} + ((500.000.000 \text{ đồng} \times (20\% / \text{năm}) / 12 \text{ tháng})) \times 06 \text{ tháng} + (500.000.000 \text{ đồng} \times ((20\% / \text{năm}) / 12) / 30 \text{ ngày})) \times 20 \text{ ngày} = 200.000.000 \text{ đồng} + 50.000.000 \text{ đồng} + 5.555.555 \text{ đồng} = 255.555.555 \text{ đồng}$ (làm tròn là 255.555.000 đồng) là phù hợp theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2025 nên có cơ sở chấp nhận.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Phan Đỗ Trọng N có nghĩa vụ trả cho bà Đỗ Thị A số

tiền nợ tổng cộng là 755.555.000 đồng, trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng, tiền nợ lãi là 255.555.000 đồng.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do buộc ông N có trách nhiệm trả cho bà A số tiền nợ tổng cộng là 755.555.000 đồng nên ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000. 000 đồng + 4% x (755.555.000 đồng - 400.000.000 đồng) = 34.222.200 đồng, làm tròn là 34.222.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị A đối với ông Phan Đỗ Trọng N về việc “Tranh chấp về Hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc ông Phan Đỗ Trọng N có trách nhiệm trả cho bà Đỗ Thị A số tiền nợ tổng cộng là 755.555.000 đồng (B trăm năm mươi lăm triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), tiền nợ lãi là 255.555.000 đồng (Hai trăm năm mươi lăm triệu năm trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 34.222.000 đồng (Ba mươi bốn triệu hai trăm hai mươi hai nghìn đồng).

3. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án của Tòa án cấp sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T;
- VKSND TP T;
- CCTHADS TP T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Ngọc Dung